

**Phụ lục I**  
**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ**  
**CHUYÊN MÔN VÀ MÃ VÙNG CỦA GCNKNCM, CCCM TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026*  
*của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**I. MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ**  
**CHUYÊN MÔN**

**1. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng**

Mặt ngoài

Mặt trong

|                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <small>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</small><br><small><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></small> |
| <b>QUỐC<br/>HUY</b>                                                                                    |
| <b>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN</b><br><b>THUYỀN TRƯỞNG</b><br><b>PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA</b>  |
| (Hình mô neo)                                                                                          |
| AC 00000000                                                                                            |

|                                                                    |                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <small>UBND...</small><br><small><b>SỞ XÂY DỰNG</b></small>        | <small>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</small><br><small><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></small> |
| Ảnh 2x3 cm<br>(đóng dấu nổi),<br>ảnh chụp<br>không quá<br>06 tháng | Hạng:.....(1).....                                                                                     |
|                                                                    | Họ và tên:.....(2)                                                                                     |
|                                                                    | Ngày sinh:.....(3)                                                                                     |
|                                                                    | Số ĐDCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu:<br>.....(4)                                                              |
|                                                                    | .....(5)....., ngày tháng năm (6)                                                                      |
|                                                                    | Chức danh người ký (7)                                                                                 |
| <b>Số:</b> (9)<br>Cấp lần đầu: (10)<br>Có giá trị đến: (11)        | Tên người ký (8)                                                                                       |

**2. Mẫu giấy chứng nhận khả năng chuyên môn máy trưởng**

Mặt ngoài

Mặt trong

|                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <small>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</small><br><small><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></small> |
| <b>QUỐC<br/>HUY</b>                                                                                    |
| <b>GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN</b><br><b>MÁY TRƯỞNG</b><br><b>PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA</b>     |
| (Hình mô neo)                                                                                          |
| BC 00000000                                                                                            |

|                                                                    |                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <small>UBND...</small><br><small><b>SỞ XÂY DỰNG</b></small>        | <small>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</small><br><small><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></small> |
| Ảnh 2x3 cm<br>(đóng dấu nổi),<br>ảnh chụp<br>không quá<br>06 tháng | Hạng:.....(1).....                                                                                     |
|                                                                    | Họ và tên:.....(2)                                                                                     |
|                                                                    | Ngày sinh:.....(3)                                                                                     |
|                                                                    | Số ĐDCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu:<br>.....(4)                                                              |
|                                                                    | .....(5)....., ngày tháng năm (6)                                                                      |
|                                                                    | Chức danh người ký (7)                                                                                 |
| <b>Số:</b> (9)<br>Cấp lần đầu: (10)<br>Có giá trị đến: (11)        | Tên người ký (8)                                                                                       |

**3. Mẫu chứng chỉ chuyên môn**

Mặt ngoài

Mặt trong

|                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <small>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</small><br><small><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></small> |
| <b>QUỐC<br/>HUY</b>                                                                                    |
| <b>CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN</b><br><b>PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA</b>                                         |
| (Hình mô neo)                                                                                          |
| CC 00000000                                                                                            |

|                                                                    |                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <small>UBND...</small><br><small><b>SỞ XÂY DỰNG</b></small>        | <small>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</small><br><small><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u></small> |
| Ảnh 2x3 cm<br>(đóng dấu nổi),<br>ảnh chụp<br>không quá<br>06 tháng | .....(1).....                                                                                          |
|                                                                    | Họ và tên:.....(2)                                                                                     |
|                                                                    | Ngày sinh:.....(3)                                                                                     |
|                                                                    | Số ĐDCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu:<br>.....(4)                                                              |
|                                                                    | .....(5)....., ngày tháng năm (6)                                                                      |
|                                                                    | Chức danh người ký (7)                                                                                 |
| <b>Số:</b> (9)<br>Cấp lần đầu: (10)<br>Ghi chú: (12)               | Tên người ký (8)                                                                                       |

#### **4. Nội dung giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn**

(1): Hạng GCNKNCM, loại CCCM (T3, M3, LPT,...): phong chữ Times New Roman chữ in hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(2): Họ và tên: ghi rõ họ, chữ đệm, tên, phong chữ Times New Roman chữ in hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(3): Ngày sinh: ghi ngày, tháng, năm sinh, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(4): Số ĐDCN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu: ghi số Định danh cá nhân, số Căn cước công dân, số Thẻ căn cước, số Hộ chiếu, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(5): Tỉnh, thành phố: nơi cơ quan có thẩm quyền cấp, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in nghiêng, cỡ chữ 8.

(6): Ngày ...tháng ...năm: ngày ký cấp GCNKNCM, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(7): Chức danh người ký: phong chữ Times New Roman chữ hoa, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(8): Tên người ký: ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in đậm, cỡ chữ 8.

(9): Số thứ tự của GCNKNCM, CCCM và mã hiệu vùng của cơ quan cấp, phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, in đậm cỡ chữ 10.

- Số thứ tự: đánh số theo tuần tự bắt đầu từ số 00000001;

- Mã hiệu vùng của GCNKNCM, CCCM theo quy định tại Mục II của Phụ lục này:  
+ GCNKNCM, CCCM do Sở Xây dựng cấp ghi mã hiệu vùng.

Ví dụ: Số GCNKNCM: 00000001 AG; số CCCM: 00000001 AG

+ GCNKNCM, CCCM do cơ sở đào tạo cấp ghi tên viết tắt của cơ sở đào tạo và ghi mã hiệu vùng.

Ví dụ: Số GCNKNCM: 00000001 ĐTI.HP; Số CCCM: 00000001 ĐTII.SG

(10): Cấp lần đầu: ghi ngày/tháng/năm của GCNKNCM, CCCM đã được cấp lần đầu tiên; phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8.

(11): Có giá trị đến: phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8. Nếu người có tuổi lao động dưới 5 năm tính từ ngày cấp GCNKNCM thì ghi hạn đến ngày tháng sinh của năm 60 tuổi đối với nam và 55 tuổi đối với nữ.

(12): Ghi chú (nếu có): phong chữ Times New Roman chữ thường, màu đen, cỡ chữ 8. Người được cấp CCCM chỉ được phép đảm nhiệm chức danh trên phương tiện có công suất máy từ 90 cv trở lên khi đủ 18 tuổi (viết tắt  $\geq 90cv, \geq 18t$ ).

## 5. Chất liệu, kích thước, hoa văn, màu sắc

### a) Phôi GCNKNCM thuyền trưởng được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

**Mặt ngoài:** có nền màu xanh nước biển, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

**Mặt trong:** có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

### b) Phôi GCNKNCM máy trưởng được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

**Mặt ngoài:** có nền màu đỏ thẫm, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

**Mặt trong:** có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

### c) Phôi chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

**Mặt ngoài:** có nền màu xanh nước biển, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

**Mặt trong:** có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

### d) Phôi chứng chỉ chuyên môn đặc biệt được in trên chất liệu giấy chuyên dùng

**Mặt ngoài:** có nền màu đỏ thẫm, khung màu vàng, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 02 mm, Quốc huy màu vàng, nền màu đỏ, chữ bên trong khung và mỏ neo màu vàng.

**Mặt trong:** có nền màu trắng, hình hoa văn lượn sóng màu xanh nước biển. Khung màu đỏ, kích thước trong khung 80mm x 55mm, khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 01 mm, các nội dung còn lại chữ màu đen.

## II. MÃ VÙNG CỦA GCNKNCM, CCCM TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

| STT | Tên địa phương | Mã hiệu vùng | STT | Tên địa phương | Mã hiệu vùng |
|-----|----------------|--------------|-----|----------------|--------------|
| 1   | An Giang       | AG           | 18  | Lạng Sơn       | LS           |
| 2   | Bắc Ninh       | BN           | 19  | Lai Châu       | LC           |

|    |                 |     |    |             |     |
|----|-----------------|-----|----|-------------|-----|
| 3  | Cà Mau          | CM  | 20 | Lâm Đồng    | LD  |
| 4  | Cần Thơ         | CT  | 21 | Lào Cai     | LK  |
| 5  | Cao Bằng        | CB  | 22 | Nghệ An     | NA  |
| 6  | Đà Nẵng         | ĐNa | 23 | Ninh Bình   | NB  |
| 7  | Đắk Lắk         | ĐL  | 24 | Phú Thọ     | PT  |
| 8  | Điện Biên       | ĐB  | 25 | Quảng Ngãi  | QNg |
| 9  | Đồng Nai        | ĐN  | 26 | Quảng Ninh  | QN  |
| 10 | Đồng Tháp       | ĐT  | 27 | Quảng Trị   | QT  |
| 11 | Gia Lai         | GL  | 28 | Sơn La      | SL  |
| 12 | Hà Nội          | HN  | 29 | Tây Ninh    | TN  |
| 13 | Hà Tĩnh         | HT  | 30 | Thái Nguyên | TNg |
| 14 | Hải Phòng       | HP  | 31 | Thanh Hóa   | TH  |
| 15 | TP. Hồ Chí Minh | SG  | 32 | Huế         | HUE |
| 16 | Hưng Yên        | HY  | 33 | Tuyên Quang | TQ  |
| 17 | Khánh Hòa       | KH  | 34 | Vĩnh Long   | VL  |

### III. MẪU HỦY GIẤY CHỨNG NHẬN KHẢ NĂNG CHUYÊN MÔN, CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN

**Cắt chéo theo đường nét đứt:**

|                                                                   |                                                                          |
|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|
| UBND...<br>SỞ XÂY DỰNG                                            | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br><u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> |
|                                                                   | Hạng:.....(1).....                                                       |
|                                                                   | Họ và tên:.....(2)                                                       |
|                                                                   | Ngày sinh:.....(3)                                                       |
|                                                                   | <b>SỐ ĐẾN/CCCD/Thẻ CC/Hộ chiếu:</b><br>.....(4)                          |
|                                                                   | .....(5)....., ngày tháng năm (6)                                        |
|                                                                   | Chức danh người ký (7)                                                   |
| Ảnh 2x3 cm<br>(đóng dấu nổi)<br>ảnh chụp không<br>quá<br>06 tháng |                                                                          |
| <b>Số:</b> (9)<br>Cấp lần đầu: (10)<br>Có giá trị đến: (11)       | Tên người ký (8)                                                         |

**Phụ lục II****DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỂ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM***(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
CƠ QUAN BÁO CÁO**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**Báo cáo số 1:**

Thời gian học:.....

Khai giảng ngày:.....

Bế giảng ngày:.....

**DANH SÁCH HỌC VIÊN DỰ HỌC ĐỂ ĐƯỢC CẤP GCNKNCM, CCCM**

| STT | HỌ VÀ TÊN           | NGÀY<br>SINH | SỐ ĐDCN/CCCD/<br>THẺ CC/HỘ<br>CHIẾU | SƠ CẤP/TRUNG HỌC<br>NGHỀ CHUYÊN<br>NGÀNH TRỞ LÊN (*) | SỐ/HẠNG/LOẠI<br>GCNKNCM, CCCM<br>CŨ, NGÀY CẤP | THỜI<br>GIAN NGHIỆP<br>VỤ | DỰ HỌC, THI<br>LẤY GCNKNCM,<br>CCCM | GHI<br>CHÚ |
|-----|---------------------|--------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------------|------------|
| 1   | Theo thứ tự abc(**) |              |                                     |                                                      |                                               |                           |                                     |            |
| 2   |                     |              |                                     |                                                      |                                               |                           |                                     |            |
| 3   |                     |              |                                     |                                                      |                                               |                           |                                     |            |
| 4   |                     |              |                                     |                                                      |                                               |                           |                                     |            |
| ... |                     |              |                                     |                                                      |                                               |                           |                                     |            |

....., ngày .... tháng .... năm .....

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)**(\*) Chỉ áp dụng với trường hợp dự học, thi lấy GCNKNCM thuyên trưởng, máy trưởng hạng nhất (T1, M1).**(\*\*) Theo thứ tự abc trong bảng chữ cái tiếng Việt.*

**Phụ lục III**  
**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**CƠ QUAN BÁO CÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
(Dấu treo)

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

*(Từ ngày...tháng...năm... đến ngày...tháng...năm...)*

**PHÂN PHỐI THỜI GIAN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

| STT            | MÃ MÔN HỌC,<br>MÔĐUN | TÊN MÔN HỌC,<br>MÔĐUN | GIÁO VIÊN GIẢNG DẠY | PHÂN PHỐI THỜI GIAN (Giờ) |    |        |    | GHI CHÚ |
|----------------|----------------------|-----------------------|---------------------|---------------------------|----|--------|----|---------|
|                |                      |                       |                     | LT                        | TH | T (KT) | TS |         |
| 1              |                      |                       |                     |                           |    |        |    |         |
| 2              |                      |                       |                     |                           |    |        |    |         |
| 3              |                      |                       |                     |                           |    |        |    |         |
| 4              |                      |                       |                     |                           |    |        |    |         |
| ...            |                      |                       |                     |                           |    |        |    |         |
| <b>TỔNG SỐ</b> |                      |                       |                     |                           |    |        |    |         |

**LỊCH HỌC TOÀN KHÓA ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CẤP GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**[illegible]

***Giải thích các từ viết tắt:***

LT

TH

**T**

KT

TS

## Lý thuyết

## Thực hành

Thi

## Kiểm tra

**Tổng  
số**

**Phụ lục IV****KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN LẤY GCNKNCM, CCCM***(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)***CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
CƠ QUAN BÁO CÁO**  
-----**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----**Báo cáo số 2:**

Thời gian học:.....

Khai giảng ngày:.....

Bế giảng ngày:.....

**KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA HỌC VIÊN LẤY GCNKNCM, CCCM**

| STT  | HỌ VÀ TÊN       | NGÀY<br>SINH | SỐ ĐDCN/CCCD/ THẺ<br>CC/HỘ CHIẾU | ĐIỂM THI CÁC MÔN |     |     |     |     |     | KẾT QUẢ |           | GHI<br>CHÚ |
|------|-----------------|--------------|----------------------------------|------------------|-----|-----|-----|-----|-----|---------|-----------|------------|
|      |                 |              |                                  | ...              | ... | ... | ... | ... | ... | Đạt     | Không đạt |            |
| 1    | Theo thứ tự abc |              |                                  |                  |     |     |     |     |     |         |           |            |
| 2    |                 |              |                                  |                  |     |     |     |     |     |         |           |            |
| 3    |                 |              |                                  |                  |     |     |     |     |     |         |           |            |
| 4    |                 |              |                                  |                  |     |     |     |     |     |         |           |            |
| .... |                 |              |                                  |                  |     |     |     |     |     |         |           |            |

....., ngày .... tháng .... năm .....

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*

**Phụ lục V**  
**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập hội đồng thi cấp GCNKNCM, CCCM phương tiện thủy nội địa**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../QĐ-.....

....., ngày...tháng...năm 20...

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập Hội đồng thi để cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn,  
chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP**

Căn cứ Quyết định số.../.../QĐ-...ngày....của....quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của .....;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thi, cấp, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Xét Tờ trình số.../...ngày.../.../... của...về việc đề nghị....tổ chức Hội đồng thi cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa ..... tổ chức ngày .... tháng .... năm .... tại ..... (có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Hội đồng thi thành lập Ban coi, chấm thi và chỉ đạo thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Hội đồng được phép sử dụng con dấu của ..... trong thời gian tổ chức kỳ thi cấp GCNKNCM, CCCM phương tiện thủy nội địa.

**Điều 4.** ....., ....., ..... và các ông (bà) có tên trong danh sách Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM  
QUYỀN CẤP**

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Lưu: VT,.....

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**HỘI ĐỒNG THI ĐỀ CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY  
TRƯỞNG, CCCM PHƯỜNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Kèm theo Quyết định số..... ngày....tháng....năm 20... của.....)*

| <b>STT</b> | <b>HỌ VÀ TÊN</b> | <b>CHỨC VỤ ĐƠN VỊ CÔNG<br/>TÁC</b> | <b>CHỨC DANH<br/>TRONG HỘI<br/>ĐỒNG</b> |
|------------|------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>1</b>   |                  |                                    | Chủ tịch                                |
| <b>2</b>   |                  |                                    | Phó Chủ tịch                            |
| <b>3</b>   |                  |                                    | Ủy viên                                 |
| <b>...</b> |                  |                                    | ...                                     |
| <b>7</b>   |                  |                                    | Ủy viên Thư ký                          |

**Phụ lục VI**  
**LỊCH THI**  
**CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP  
**HỘI ĐỒNG THI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**LỊCH THI**  
**CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG, MÁY TRƯỞNG, CCCM**  
**PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(tại ..... tổ chức từ ngày ....../....../20.... đến ngày ....../....../20....)

| STT | HỌ VÀ TÊN GIÁO<br>VIÊN COI THI,<br>CHẤM THI | THUYỀN TRƯỞNG<br>(Hạng, số thí sinh)         |                                         |              | MÁY TRƯỞNG<br>(Hạng, số thí sinh)            |                                      | CCCM<br>(Loại,<br>số thí<br>sinh) |
|-----|---------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------|----------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|
|     |                                             | Lý<br>thuyết<br>tổng hợp<br>(Trắc<br>nghiệm) | Lý<br>thuyết chuyên<br>môn (Vấn<br>đáp) | Thực<br>hành | Lý<br>thuyết<br>tổng hợp<br>(Trắc<br>nghiệm) | Lý thuyết<br>chuyên môn<br>(Vấn đáp) | ...                               |
| 1   |                                             |                                              |                                         |              |                                              |                                      |                                   |
| 2   |                                             |                                              |                                         |              |                                              |                                      |                                   |
| 3   |                                             |                                              |                                         |              |                                              |                                      |                                   |
| ... |                                             |                                              |                                         |              |                                              |                                      |                                   |

**Thời gian thi:**

Sáng: Từ...giờ...đến...giờ...

Chiều: Từ...giờ...đến...giờ...

....., ngày...tháng...năm 20...

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

**Phụ lục VII**  
**KẾT QUẢ THI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP**  
**HỘI ĐỒNG THI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

....., ngày...tháng...năm...

**KẾT QUẢ THI**

**MÔN THI:** .....  
**HỌ VÀ TÊN GIÁM THI, GIÁM KHẢO:** .....  
**1** .....  
**2** .....

| STT | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | SỐ ĐỀ THI | ĐIỂM | KẾT QUẢ |           | CHỮ KÝ | GHI CHÚ |
|-----|-----------|-----------|-----------|------|---------|-----------|--------|---------|
|     |           |           |           |      | Đạt     | Không đạt |        |         |
| 1   |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 2   |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 3   |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 4   |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 5   |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 6   |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 7   |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 8   |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 9   |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 10  |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 11  |           |           |           |      |         |           |        |         |
| 12  |           |           |           |      |         |           |        |         |
| ... |           |           |           |      |         |           |        |         |

**GIÁM THI, GIÁM KHẢO 1**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**GIÁM THI, GIÁM KHẢO 2**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Phụ lục VIII**  
**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP**  
**HỘI ĐỒNG THI**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

**Báo cáo số 3:**  
Thời gian học:.....  
Khai giảng ngày:.....  
Bế giảng ngày:.....

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI**

| STT | HỌ VÀ TÊN       | NGÀY SINH | SỐ ĐDCN/CCCD/THẺ CC/HỘ CHIẾU | ĐIỂM THI CÁC MÔN |     |     |     |     | KẾT QUẢ |          | LOẠI GCNKNCM, CCCM | GHI CHÚ |
|-----|-----------------|-----------|------------------------------|------------------|-----|-----|-----|-----|---------|----------|--------------------|---------|
|     |                 |           |                              | ...              | ... | ... | ... | ... | Đỗ      | Không đỗ |                    |         |
| 1   | Theo thứ tự abc |           |                              |                  |     |     |     |     |         |          |                    |         |
| 2   |                 |           |                              |                  |     |     |     |     |         |          |                    |         |
| 3   |                 |           |                              |                  |     |     |     |     |         |          |                    |         |
| ... |                 |           |                              |                  |     |     |     |     |         |          |                    |         |

**THƯ KÝ**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

...., ngày .... tháng .... năm ....  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**  
*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Thi hành Quyết định số..../QĐ-.... ngày.../..../20... của ..... về việc tổ chức Hội đồng thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tại.....

Chủ trì: ông (bà)..... - Chủ tịch Hội đồng thi.

## I. THỦ TỤC:

1. Có mặt:.../....
2. Vắng mặt:.....
3. Chủ tịch Hội đồng công bố Quyết định thành lập Hội đồng thi và quán triệt các nguyên tắc cơ bản về thi đề cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa.

Theo Hồ sơ được duyệt và kết quả đào tạo, tổng số thí sinh đủ điều kiện dự thi:.....thí sinh.

- Thuyền trưởng hạng nhất:.....thí sinh.
- Thuyền trưởng hạng nhì:....thí sinh.
- Thuyền trưởng hạng ba:.....thí sinh.
- Thuyền trưởng hạng tư:.....thí sinh.
- Máy trưởng hạng nhất:....thí sinh.
- Máy trưởng hạng nhì:....thí sinh.
- Máy trưởng hạng ba:....thí sinh.
- Chúng chỉ chuyên môn:.... thí sinh.

### III. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ HỘI ĐỒNG THI:

1. Chủ tịch: ông (bà)....., phụ trách chỉ đạo chung suốt quá trình thi.

2. Phó Chủ tịch: ông (bà)....., phụ trách cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ kỳ thi, cử cán bộ làm công tác an ninh trật tự, an toàn trong khu vực thi.
3. Trưởng ban coi thi, chấm thi: ông (bà)....., giúp Chủ tịch Hội đồng thi phân công giám thi, giám khảo coi thi, chấm thi, lập kế hoạch thi.
4. Phó Trưởng ban coi thi, chấm thi: ông (bà)..... giúp việc Trưởng ban.
5. Ủy viên Thư ký: ông (bà)...., giúp việc Chủ tịch Hội đồng, hoàn chỉnh các văn bản kỳ thi và kiểm tra tính đầy đủ về hồ sơ dự thi của các thí sinh.
6. (Cơ sở đào tạo) tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính pháp lý đối với toàn bộ hồ sơ dự thi của các thí sinh.
7. Các uỷ viên khác: kiểm tra các điều kiện thi; tham gia coi thi, chấm thi; theo dõi tình hình diễn biến kỳ thi và kịp thời phản ánh về Hội đồng các vấn đề bất thường có liên quan.

#### **IV. KẾ HOẠCH THI:**

Khai mạc vào hồi.....giờ..., ngày....tháng....năm 20....

Ngày, giờ thi các môn có lịch cụ thể kèm theo.

Các nội dung trên đã được toàn thể Hội đồng nhất trí.

Phiên họp kết thúc hồi....giờ....., ngày....tháng....năm 20...

**THƯ KÝ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**HỘI ĐỒNG THI** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## HỌP HỘI ĐỒNG THI LẦN THỨ HAI

## NỘI DUNG

- Tổng số thí sinh đăng ký:...thí sinh
- Số thí sinh dự thi:....thí sinh
- Số thí sinh không dự thi:....thí sinh
- Các vấn đề vướng mắc có liên quan đã giải quyết.

## KẾT QUẢ THI

[illegible]

## II. ĐÁNH GIÁ CHUNG:

1. Ưu điểm: .....

.....

.....

.....

2. Nhược điểm: .....

.....

.....

.....

3. Các kiến nghị: .....

.....

.....

Các nội dung trên đã được toàn thể Hội đồng nhất trí. Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)..... xem xét, quyết định công nhận kết quả thi và cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cho học viên.

Phiên họp kết thúc hồi giờ..., ngày....tháng....năm 20....

**THƯ KÝ**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

*(Ký, ghi rõ họ và tên)*

**Phụ lục XI****QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 71/2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../QĐ-.....

....., ngày....tháng....năm 20....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công nhận kết quả thi và cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP**

Căn cứ Quyết định số.../.../QĐ-.....ngày.../.../....của....quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của.....;

Căn cứ Thông tư số...../TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thi, cấp, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Theo biên bản kết quả của Hội đồng thi cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày...../...../.....tại.....;

Theo đề nghị của.....,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả thi và cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM cho.....thí sinh (có danh sách kèm theo) đã đạt kết quả thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa..... tổ chức ngày...../...../.....tại:.....

**Điều 2.** ..., ..., Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Lưu: VT,....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)*

## DANH SÁCH CẤP GCNKNCM, CCCM

(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-..... ngày.....tháng.....năm của.....)

| STT                               | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | SỐ ĐDCN/CCCD/THẺ<br>CC/HỘ CHIẾU | LOẠI, HẠNG<br>GCNKNCM,<br>CCCM | GHI CHÚ |
|-----------------------------------|-----------|-----------|---------------------------------|--------------------------------|---------|
| <b>I. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHẤT</b> |           |           |                                 |                                |         |
| 1                                 |           |           |                                 | T1                             |         |
| 2                                 |           |           |                                 | T1                             |         |
| 3                                 |           |           |                                 | T1                             |         |
| ...                               |           |           |                                 | ...                            |         |
| <b>II. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG NHÌ</b> |           |           |                                 |                                |         |
| 1                                 |           |           |                                 | T2                             |         |
| 2                                 |           |           |                                 | T2                             |         |
| 3                                 |           |           |                                 | T2                             |         |
| ...                               |           |           |                                 | ...                            |         |
| <b>III. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG BA</b> |           |           |                                 |                                |         |
| 1                                 |           |           |                                 | T3                             |         |
| 2                                 |           |           |                                 | T3                             |         |
| 3                                 |           |           |                                 | T3                             |         |
| ...                               |           |           |                                 | ...                            |         |
| <b>IV. THUYỀN TRƯỞNG HẠNG TƯ</b>  |           |           |                                 |                                |         |
| 1                                 |           |           |                                 | T4                             |         |
| 2                                 |           |           |                                 | T4                             |         |
| 3                                 |           |           |                                 | T4                             |         |
| ...                               |           |           |                                 | ...                            |         |
| <b>V. MÁY TRƯỞNG HẠNG NHẤT</b>    |           |           |                                 |                                |         |
| 1                                 |           |           |                                 | M1                             |         |
| 2                                 |           |           |                                 | M1                             |         |
| 3                                 |           |           |                                 | M1                             |         |
| ...                               |           |           |                                 | ...                            |         |
| <b>VI. MÁY TRƯỞNG HẠNG NHÌ</b>    |           |           |                                 |                                |         |
| 1                                 |           |           |                                 | M2                             |         |
| 2                                 |           |           |                                 | M2                             |         |
| 3                                 |           |           |                                 | M2                             |         |
| ...                               |           |           |                                 | ...                            |         |
| <b>VII. MÁY TRƯỞNG HẠNG BA</b>    |           |           |                                 |                                |         |
| 1                                 |           |           |                                 | M3                             |         |
| 2                                 |           |           |                                 | M3                             |         |
| 3                                 |           |           |                                 | M3                             |         |
| ...                               |           |           |                                 | ...                            |         |
| <b>VIII. CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN</b> |           |           |                                 |                                |         |
| 1                                 |           |           |                                 | TT                             |         |
| 2                                 |           |           |                                 | TM                             |         |
| 3                                 |           |           |                                 | LPT                            |         |
| ...                               |           |           |                                 | ...                            |         |

**Phụ lục XII**  
**SỔ CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**SỔ CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

| HẠNG/LOẠI<br>GCNKNCM/<br>CCCM(*) | SỐ GCNKNCM/<br>CCCM | CẤP LẦN<br>ĐẦU | NGÀY<br>CẤP | CÓ GIÁ<br>TRỊ ĐẾN | SỐ SERI | HỌ VÀ TÊN | NGÀY SINH | SỐ<br>ĐDCN/CCCD/THẺ<br>CC/HỘ CHIẾU | ẢNH | SỐ GCNKNCM/<br>CCCM CŨ |
|----------------------------------|---------------------|----------------|-------------|-------------------|---------|-----------|-----------|------------------------------------|-----|------------------------|
|                                  |                     |                |             |                   |         |           |           |                                    |     |                        |
|                                  |                     |                |             |                   |         |           |           |                                    |     |                        |

(\*) *Chú thích:* Hạng/loại GCNKNCM/CCCM:

T1: GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhất.

T2: GCNKNCM thuyền trưởng hạng nhì.

T3: GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba.

T4: GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư.

M1: GCNKNCM máy trưởng hạng nhất.

M2: GCNKNCM máy trưởng hạng nhì.

M3: GCNKNCM máy trưởng hạng ba.

ATCB: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.

TT: chứng chỉ thủy thủ.

TM: chứng chỉ thợ máy.

LPT: chứng chỉ lái phương tiện.

ĐKCT: chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc.

ĐKVB: chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển.

ATVB: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.

ATXD: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu.

ATHC: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất.

ATKHL: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng.

HTPL: giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.

**BÌA SỔ**

|                                                                                                                                            |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p><b>SỔ</b><br/> <b>CẤP, CẤP LẠI,</b><br/> <b>CHUYỂN ĐỔI</b><br/> <b>GCNKNCM, CCCM</b><br/> <b>PTTND</b></p> <p><i>Quyển số:.....</i></p> |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

**Phụ lục XIII**  
**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập ban coi thi, chấm thi cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN CẤP      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**HỘI ĐỒNG THI**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../QĐ-HĐT

....., ngày.....tháng..... năm 20.....

**QUYẾT ĐỊNH**

**Thành lập ban coi thi, chấm thi cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

**Cấp giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn phương tiện thủy nội địa**

Căn cứ Thông tư số...../TT-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định thi, cấp, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;

Căn cứ Quyết định số...../QĐ-..... ngày...../...../.....của.....về việc thành lập Hội đồng thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa;

Theo đề nghị của Phó Chủ tịch và Thư ký Hội đồng thi,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Ban coi thi, chấm thi để cấp GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM khóa.....tổ chức ngày....tháng....năm.... tại.....(có danh sách kèm theo).

**Điều 2.** Ban coi thi, chấm thi có nhiệm vụ thực hiện kỳ thi theo quy định hiện hành.

**Điều 3.** Các thành viên Hội đồng thi, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các ông (bà) có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu HĐT, KT.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**BAN COI THI, CHẤM THI CẤP GCNKNCM THUYỀN TRƯỞNG,  
MÁY TRƯỞNG, CCCM PHƯỜNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-HĐT ngày...../...../20.....của Hội đồng thi)

| <b>STT</b> | <b>HỌ VÀ TÊN</b> | <b>CHỨC VỤ<br/>ĐƠN VỊ CÔNG TÁC</b> | <b>CHỨC DANH<br/>TRONG BAN COI<br/>THI, CHẤM THI</b> |
|------------|------------------|------------------------------------|------------------------------------------------------|
| <b>1</b>   |                  |                                    | Trưởng ban                                           |
| <b>2</b>   |                  |                                    | Phó Trưởng ban                                       |
| <b>3</b>   |                  |                                    | Thành viên                                           |
| <b>4</b>   |                  |                                    | Thành viên                                           |
| <b>5</b>   |                  |                                    | Thành viên                                           |
| <b>...</b> |                  |                                    | ...                                                  |

**Phụ lục XIV**  
**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**DỰ HỌC, THI, CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026  
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**DỰ HỌC, THI, CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi (\*\*):.....

Tên tôi là: ..... Sinh ngày: .....

Điện thoại: .....; Email: .....

Số ĐDCN/CCCD/thẻ CC/hộ chiếu (\*\*\*).....

Giấy khám sức khỏe số:.....ngày.....nơi cấp.....

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:....., khóa: .....

Trường: ....., đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM  
số: ..... ngày ..... ..

Ảnh màu  
cỡ 2x3 cm,  
ảnh chụp  
không quá  
06 tháng(\*)

Quá trình làm việc trên phương tiện: Chi tiết tại bảng kèm theo.

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, cấp, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM,  
tôi thấy đủ điều kiện:

|                                    |                          |                                                                                   |                          |
|------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|
| + Dự học để thi lấy GCNKNCM, CCCM: | <input type="checkbox"/> | + Cấp do GCNKNCM, CCCM hết hạn:                                                   | <input type="checkbox"/> |
| + Dự thi cấp GCNKNCM, CCCM:        | <input type="checkbox"/> | + Cấp do GCNKNCM, CCCM hỏng, sai lệch thông tin<br>hoặc cần điều chỉnh thông tin: | <input type="checkbox"/> |
| + Xét cấp GCNKNCM, CCCM:           | <input type="checkbox"/> | + Cấp do mất GCNKNCM, CCCM:                                                       | <input type="checkbox"/> |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM:        | <input type="checkbox"/> | + Lý do khác:.....                                                                |                          |

Đề nghị (\*\*):.....cho tôi được dự học, thi, cấp,  
chuyển đổi: .....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu  
trách nhiệm trước pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm....

**Người đề nghị**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(\*) 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, nền trắng, ảnh chụp không quá 06 tháng;

(\*\*) cơ quan có thẩm quyền cấp.

(\*\*\*) Số định danh cá nhân hoặc số căn cước công dân hoặc số thẻ căn cước hoặc số hộ chiếu.

## QUÁ TRÌNH LÀM VIỆC TRÊN PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

*(Kèm theo Đơn đề nghị)*

| TỪ.....ĐẾN | CHỨC DANH | NƠI LÀM VIỆC | SỐ ĐĂNG KÝ<br>PTNĐ | XÁC NHẬN <sup>1</sup> CỦA CHỦ<br>PHƯƠNG TIỆN/ CƠ<br>QUAN CÓ THẨM<br>QUYỀN <sup>2</sup> |
|------------|-----------|--------------|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|
|            |           |              |                    |                                                                                        |
|            |           |              |                    |                                                                                        |
|            |           |              |                    |                                                                                        |
|            |           |              |                    |                                                                                        |
|            |           |              |                    |                                                                                        |

<sup>1</sup> Chỉ bắt buộc xác nhận đối với quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.

<sup>2</sup> Ký, đóng dấu nếu là cơ quan, tổ chức.

**Phụ lục XV**  
**MẪU DANH SÁCH**  
**HỌC VIÊN THAM DỰ LỚP TẬP HUẤN NGHIỆP VỤ COI THI, CHẤM THI**  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026*  
*của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

| STT | Họ và tên | Chức vụ<br>Đơn vị<br>công tác | Ngành,<br>loại, hạng<br>coi thi,<br>chấm thi đã<br>được công<br>bố trước đó | Trình độ đào tạo |               | Ngành,<br>loại, hạng<br>coi thi,<br>chấm thi<br>đăng ký dự<br>tập huấn<br>nghiệp vụ | Điện<br>thoại,<br>email,<br>fax |
|-----|-----------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|
|     |           |                               |                                                                             | Văn bằng         | Chuyên<br>môn |                                                                                     |                                 |
| 1   |           |                               |                                                                             |                  |               |                                                                                     |                                 |
| 2   |           |                               |                                                                             |                  |               |                                                                                     |                                 |
| 3   |           |                               |                                                                             |                  |               |                                                                                     |                                 |
| ... |           |                               |                                                                             |                  |               |                                                                                     |                                 |

**Ghi chú:**

- Nếu là tổ chức: ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên.
- Nếu là cá nhân: ký, ghi rõ họ và tên.

**TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

## Phụ lục XVI

**BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, THI, CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 71 /2026/TT-BXD ngày 17 tháng 9 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN**  
**CƠ QUAN BÁO CÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Kính gửi:.....

**BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, THI, CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM  
THUYỀN VIÊN, NGƯỜI LÁI PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA (THÁNG/QUÝ/NĂM).....**

## 1. KẾT QUẢ ĐÀO TẠO, TỔ CHỨC HỘI ĐỒNG THI CẤP GCNKNCM, CCCM

[illegible]

## 2. KẾT QUẢ CẤP, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM

| Loại, hạng          | THUYỀN TRƯỞNG |    |    |    | MÁY TRƯỞNG |    |    | CCCM NGHIỆP VỤ |    |     | CCCM ĐẶC BIỆT |       |       |       |       |        | AT CB | HT PL | TỔNG SỐ | GHI CHÚ |
|---------------------|---------------|----|----|----|------------|----|----|----------------|----|-----|---------------|-------|-------|-------|-------|--------|-------|-------|---------|---------|
|                     | T1            | T2 | T3 | T4 | M1         | M2 | M3 | TT             | TM | LPT | ĐK CT         | ĐK VB | AT VB | AT XD | AT HC | AT KHL |       |       |         |         |
| Hội đồng thi        |               |    |    |    |            |    |    |                |    |     |               |       |       |       |       |        |       |       |         |         |
| Xét cấp             |               |    |    |    |            |    |    |                |    |     |               |       |       |       |       |        |       |       |         |         |
| Cấp do hết hạn, mất |               |    |    |    |            |    |    |                |    |     |               |       |       |       |       |        |       |       |         |         |
| Chuyển đổi          |               |    |    |    |            |    |    |                |    |     |               |       |       |       |       |        |       |       |         |         |
| Tổng số             |               |    |    |    |            |    |    |                |    |     |               |       |       |       |       |        |       |       |         |         |
| Lũy kế (2015 – nay) |               |    |    |    |            |    |    |                |    |     |               |       |       |       |       |        |       |       |         |         |

....., ngày....tháng....năm....

**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN BÁO CÁO**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**Chú thích:**

T1: thuyền trưởng hạng nhất.  
T2: thuyền trưởng hạng nhì.  
T3: thuyền trưởng hạng ba.  
T4: thuyền trưởng hạng tư.  
M1: máy trưởng hạng nhất.  
M2: máy trưởng hạng nhì.  
M3: máy trưởng hạng ba.  
TT: chứng chỉ thủy thủ.  
TM: chứng chỉ thợ máy.  
LPT: chứng chỉ lái phương tiện.

GCNKNCM: giấy chứng nhận khả năng chuyên môn  
CCCM: chứng chỉ chuyên môn.  
ĐKCT: chứng chỉ điều khiển phương tiện cao tốc.  
ĐKVB: chứng chỉ điều khiển phương tiện đi ven biển.  
ATVB: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện đi ven biển.  
ATXD: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở xăng dầu.  
ATHC: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở hóa chất.  
ATKHL: chứng chỉ an toàn làm việc trên phương tiện chở khí hóa lỏng.  
ATCB: chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản.  
HTPL: giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông đường thủy nội địa.